

**KẾ HOẠCH**

**Tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh  
ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận  
trong học kỳ II năm học 2022-2023 (đợt 1)**

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-BTC ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TCĐT ngày 28/02/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (Bộ Tài chính) về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 9635/BTC-TCĐT ngày 19/8/2019 của Bộ Tài chính về việc thực hiện giao, nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương;

Căn cứ Công văn số 123/CDTNTB-KH&QLHDT ngày 01/3/2023 và Công văn số 136/CDTNTB-KH&QLHDT ngày 08/3/2023 của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nam Trung bộ về việc tiếp nhận gạo hỗ trợ học sinh tỉnh Ninh Thuận trong học kỳ II năm học 2022-2023

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch tổ chức việc tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh trong học kỳ II năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho học sinh không bị thiếu lương thực và đi học chuyên cần.

**2. Yêu cầu**

Tổ chức thực hiện tiếp nhận và cấp phát đúng tiến độ, đúng đối tượng được thụ hưởng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

**II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Đối tượng hỗ trợ và điều kiện được hưởng**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 và Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1.1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Là học sinh bán trú đang theo học tại trường phổ thông dân tộc bán trú (được Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập).

b) Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn (*theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*) đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực III, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang trên địa bàn tỉnh (*theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*).

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*); cụ thể đảm bảo một trong hai điều kiện sau:

- Điều kiện 1: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở;

- Điều kiện 2: Nhà ở xa trường thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có khoảng cách tối thiểu được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (*theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*) đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc (xã khu vực II).

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo một trong hai điều kiện nêu tại điểm b.

1.2. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đang theo học tại các trường Trung học phổ thông hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học;

b) Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang (*theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*);

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó

khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*); cụ thể đảm bảo một trong hai điều kiện sau:

- Điều kiện 1: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên;
- Điều kiện 2: Nhà ở xa trường thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.3. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, ngoài các điều kiện quy định như học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

## **2. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn được thụ hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ**

Thực hiện theo quy định tại các văn bản sau:

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025<sup>1</sup>;

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mức thu học phí năm học 2022-2023 và vùng thu học phí từ năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

*\*Đính kèm theo Phụ lục các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh.*

<sup>1</sup> Huyện Bác Ái và Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam

### **3. Về mức hỗ trợ**

Trong học kỳ II năm học 2022-2023, mỗi học sinh được hỗ trợ 04 tháng, tổng cộng 60kg/học sinh.

### **4. Lập hồ sơ đề nghị, thực hiện trình tự, thủ tục xét duyệt hưởng chính sách hỗ trợ**

- Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở lập danh sách học sinh từng trường thuộc diện được hỗ trợ gạo, lập hồ sơ đề nghị, thực hiện trình tự, thủ tục xét duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ trước khi thực hiện (*học sinh cấp Tiểu học và Trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; học sinh cấp Trung học phổ thông do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt*).

- Căn cứ các quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời tham mưu, hướng dẫn tổ chức rà soát các đối tượng thụ hưởng theo quy định, tránh bỏ sót.

### **5. Quy trình tiếp nhận:**

- Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận trực tiếp giao gạo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, sau đó Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện có trách nhiệm phân bổ gạo cho các đơn vị trực thuộc quản lý. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nhận gạo trực tiếp từ Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận.

- Công tác tổ chức giao nhận gạo thực hiện tại trung tâm huyện (địa điểm tại Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc địa điểm khác do huyện bố trí).

- Chất lượng gạo giao nhận phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và quy cách theo quy định của ngành Dự trữ Nhà nước; với sự giám sát, chứng kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và huyện.

### **6. Thủ tục tổ chức cấp phát tại trường:**

- Sau khi tiếp nhận gạo, các trường tiến hành thông báo cho học sinh, phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp phát cho từng học sinh tại trường đúng đối tượng theo quy định.

- Việc cấp phát gạo (*theo Mẫu số 1*) phải có chữ ký của người nhận hoặc người giám hộ, có xác nhận của chính quyền địa phương (xã, phường/huyện) với sự giám sát của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Chỉ cấp phát hỗ trợ gạo cho các đối tượng học sinh thực tế có mặt, đang theo học tại trường ở mỗi thời điểm cấp phát; không cấp phát hỗ trợ gạo cho đối tượng học sinh bỏ học (thôi học) hoặc không đúng đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Sau khi hoàn thành việc cấp phát, chậm nhất 05 ngày làm việc các đơn vị báo cáo về Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp (theo Mẫu số 2) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **7. Thời gian và địa điểm giao nhận gạo**

- Thời gian: Dự kiến từ ngày 10/4/2023 đến hết ngày 14/4/2023.

- Địa điểm: Tại Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân các huyện (do Ủy ban nhân dân huyện bố trí; đơn vị thuộc địa bàn huyện nào thì nhận gạo tại địa bàn huyện đó).

### **8. Số lượng học sinh và số gạo được hỗ trợ**

Theo Quyết định số 241/QĐ-BTC ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính, Quyết định số 82/QĐ-TCĐT ngày 28/02/2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước và Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho từng địa phương, đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh.

### **9. Về kinh phí vận chuyển, bốc xếp**

Kinh phí vận chuyển, bốc xếp gạo từ kho của Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận đến Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện hoặc trung tâm huyện (Ủy ban nhân dân huyện bố trí) do Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận chịu trách nhiệm thanh toán; từ Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện hoặc trung tâm huyện đến các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý do kinh phí của huyện chi trả.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện việc giao nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương theo Công văn số 3742/UBND-KTTH ngày 03/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời, đúng đối tượng; tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định;

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nam Trung bộ (Khánh Hòa), Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận trong suốt quá trình triển khai việc tiếp nhận, phân bổ tới các địa phương, đơn vị;

- Cử cán bộ phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban ngành, đoàn thể ở cơ sở giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận và cấp phát gạo kịp thời và đúng đối tượng.

### **2. Ủy ban nhân dân các huyện**

- Triển khai việc tiếp nhận, thuê hoặc bố trí phương tiện để vận chuyển từ Trung tâm huyện tới các trường trên địa bàn huyện.

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng chức năng thuộc huyện triển khai phương án về kho bãi, nhân lực, phương tiện, kinh phí để tiếp nhận, phân bổ, giám sát việc cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng.

- Sử dụng ngân sách của huyện để chi cho việc vận chuyển, bốc xếp gạo để giao cho các trường trên địa bàn.

**3. Sở Tài chính:** Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng ngân sách của địa phương, đơn vị để thanh toán tiền hợp đồng vận chuyển, bốc xếp từ trung tâm huyện tới các trường.

**4. Sở Giao thông vận tải:** Hỗ trợ, điều động phương tiện vận chuyển gạo từ trung tâm các huyện, tới các trường khi có đề nghị của các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**5. Các Sở, ban ngành liên quan:** Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia giám sát, kiểm tra quá trình tiếp nhận, cấp phát gạo đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình.

**6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, xã:** Cử cán bộ tham gia giám sát quá trình tiếp nhận và cấp phát gạo từ khi tiếp nhận cho tới khi cấp phát đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

### **7. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện và các cơ sở giáo dục**

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kho, sân bãi để tiếp nhận gạo, bố trí kinh phí từ dự toán được giao để các trường vận chuyển từ nơi nhận đến các trường trước khi cấp phát cho học sinh (việc bổ sung kinh phí cho việc vận chuyển gạo từ trung tâm huyện tới các đơn vị do Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng đơn vị).

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra đôn đốc các trường tiếp nhận gạo theo Quyết định phân bổ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp phát gạo cho học sinh.

- Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản gạo từ trung tâm huyện về trường để cấp phát cho học sinh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

- Báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện việc phân bổ gạo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trong học kỳ II năm học 2022-2023. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương khẩn trương tổ chức triển khai và báo cáo kịp thời kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh (p/h);
- Cục DTNNKVNTB (Khánh Hòa);
- Chi cục DTNN Ninh Thuận;
- Các Sở: GDĐT, TC, GTVT, LĐTBXH, KHĐT;
- Ủy ban nhân dân các huyện;
- Phòng GDĐT các huyện;
- VPUB: CVP, PVP (NĐT), KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Biên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**Phụ lục  
CÁC XÃ KHU VỰC III, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN  
VÙNG BÃI NGANG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH- UBND ngày tháng 4 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Stt	Huyện	Xã khu vực III	Xã bãi ngang	Thôn đặc biệt khó khăn
1	I. H. Bác Ái	09 xã	/	35 thôn
2		1. Phước Bình		1. Thôn Bạc Rây 1
4				2. Thôn Bó Lang
5				3. Thôn Hành Rạc 2
6				4. Thôn Hành Rạc 1
7				5. Thôn Gia Ế
8		2. Phước Chính		1. Thôn Suối Rớ
9				2. Thôn Suối Khô
10				3. Thôn Núi Rây
11		3. Phước Hòa		1. Thôn Tà Lọt
12				2. Thôn Chà Panh
13		4. Phước Tân		1. Thôn Đá Trắng
14				2. Thôn Ma Ty
15				3. Thôn Ma Lâm
16		5. Phước Thắng		1. Thôn Chà Đung
17				2. Thôn Ma Oai
18				3. Thôn Ma Ty
19				4. Thôn Ha Lá Hạ
20		6. Phước Thành		1. Thôn Ma Nai
21				2. Thôn Ma Dú
22				3. Thôn Ma Rớ
23				4. Thôn Suối Lỡ
24				5. Thôn Đá Ba Cái
25		7. Phước Tiến		1. Thôn Trà Co 1
26				2. Thôn Trà Co 2

Stt	Huyện	Xã khu vực III	Xã bãi ngang	Thôn đặc biệt khó khăn
27				3. Thôn Suối Đá
28				4. Thôn Đá Bàn
29				5. Thôn Suối Rua
30		8. Phước Trung		1. Thôn Rã Giữa
31				2. Thôn Tham Dú
32				3. Thôn Rã Trên
33		9. Phước Đại		1. Thôn Tà Lú 1
34				2. Thôn Tà Lú 2
35				3. Thôn Tà Lú 3
36				4. Thôn Ma Hoa
37				5. Thôn Châu Đắc
38	<b>II. H. Ninh Sơn</b>	<b>01 xã</b>	<b>/</b>	<b>12 thôn</b>
39		1. Ma Nói		1. Thôn Do
40				2. Thôn Hà Dài
41				3. Thôn Ú
42				4. Thôn Tà Nôi
43				5. Thôn Gia Rót
44				6. Thôn Gia Hoa
45	(Xã Hòa Sơn)			1. Thôn Tân Định
46	(Xã Mỹ Sơn)			1. Thôn Mỹ Hiệp
47				2. Thôn Nha Húi
48	(Xã Quảng Sơn)			1. Thôn Lương Giang
49	(Xã Nhơn Sơn)			1. Thôn Láng Ngựa
50				2. Thôn Núi Ngõng
51	<b>III. H. Thuận Bắc</b>	<b>03 xã</b>		<b>16 thôn</b>
52		1. Phước Kháng		1. Thôn Đá Mài Trên
53				2. Thôn Đá Mài Dưới
54				3. Thôn Cầu Đá
55				4. Thôn Đá Liệt
56				5. Thôn Suối Le
57		2. Phước Chiến		1. Thôn Động Thông
58				2. Thôn Tập Lá
59				3. Thôn Đầu Suối B
60				4. Thôn Đầu Suối A
61				5. Thôn Ma Trai



Stt	Huyện	Xã khu vực III	Xã bãi ngang	Thôn đặc biệt khó khăn
62				1. Thôn Bình Nghĩa
63		3. Bắc Sơn		2. Thôn Xóm Bằng
65				3. Thôn Xóm Bằng 2
68	(Xã Lợi Hải)			1. Thôn Suối Đá
69				2. Thôn Kiên Kiên 2
70	(Xã Công Hải)			1. Thôn Suối Vang
71	<b>IV. H. Ninh Hải</b>	/		<b>01 thôn</b>
72	(Xã Vĩnh Hải)			1. Thôn Đá Hang
73	<b>V. H. Thuận Nam</b>	<b>01 xã</b>	<b>01 xã</b>	<b>10 thôn</b>
74				1. Thôn Giá
75				2. Thôn Trà Nô
77		1. Phước Hà		3. Thôn Tân Hà
78				4. Thôn Là A
79				5. Thôn Rồ Ôn
83				1. Thôn Sơn Hải 1
84				2. Thôn Sơn Hải 2
89			1. Phước Dinh	3. Thôn Từ Thiện
90				4. Thôn Vĩnh Tường
91				5. Thôn Bầu Ngừ
92	<b>VI. H. Ninh Phước</b>	/		<b>02 thôn</b>
93	(Xã Phước Thái)			1. Thôn Tà Dương
94	(Xã Phước Vinh)			1. Thôn Liên Sơn 2

CƠ QUAN CHỦ QUẢN..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC NHẬN GẠO HỖ TRỢ**  
**HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**  
(Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)

Stt	Họ và tên	Lớp	Tổng số gạo được hỗ trợ (kg)	Ký nhận của học sinh hoặc người giám hộ	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
....					
	<b>CỘNG</b>		<b>x</b>		

Ngày .....tháng.....năm.....  
**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG (HUYỆN)** **HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu) (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dành cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo; lập thành 03 bản ( 01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi cơ quan quản lý cấp trên).

UBND TỈNH/HUYỆN/TP.....  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP CẤP PHÁT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (HUYỆN).....**  
(Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)

Stt	Tên đơn vị	Tổng số học sinh thuộc diện hỗ trợ (h/sinh)	Tổng số gạo đã cấp phát (kg)	Ghi chú
1	<b>I. Khối Tiểu học</b>			
2	Trường .....			
3	Trường .....			
	.....			
	<b>II. Khối THCS</b>			
	Trường .....			
	Trường .....			
	.....			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP HUYỆN**  
**(Đối với học sinh tiểu học và THCS)**  
Ký tên, đóng dấu

Ngày .....tháng.....năm.....  
**TRƯỞNG PHÒNG**  
Ký tên, đóng dấu

Ghi chú: Mẫu này dành cho Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp từ các đơn vị trực thuộc và được lập thành 03 bản (01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp).

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....  
PHÒNG/TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.... -

....., ngày tháng năm 2023

V/v cấp phát gạo hỗ trợ  
cho học sinh HKII năm học 2022 - 2023  
theo NĐ 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận.

Thực hiện kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong HKII năm học 2022-2023;

Thực hiện Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong HKII năm học 2022-2023;

Thực hiện Công văn số: /SGDĐT-TCHC ngày / /2023, về việc tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo cho học sinh HKII năm học 2022-2023 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Phòng/Trường ..... báo cáo việc cấp phát gạo, như sau:

### 1. Số liệu chung của đơn vị

Tổng số gạo được nhà nước hỗ trợ cho huyện (đối với phòng GD&ĐT)/trường ..... là ..... kg cho ..... học sinh/trường với số liệu cụ thể như sau:

- Số lượng trường (phòng GD&ĐT):.....trường;
- Số lượng học sinh:.....học sinh;
- Số lượng gạo đã cấp phát: .....

### 2. Tình hình thực hiện:

*(Nêu tình hình cụ thể trong quá trình tổ chức tiếp nhận và cấp phát hỗ trợ gạo cho học sinh theo hướng dẫn của Kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### 3. Đề xuất và kiến nghị

Trên đây là báo cáo về việc cấp phát gạo học kỳ II năm học 2022-2023 của phòng/trường.....trên địa bàn...../.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG/HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)

---

**XÁC NHẬN CỦA UBND .....**

*Ghi chú: Mẫu này dành cho Phòng Giáo dục và Đào tạo/đơn vị trực thuộc Sở tổng hợp và được lập thành 03 bản (01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp)*